



013/2024/BCT/KNTT

3766/TTTTV-KHCN

019/2023/BYT-KNTT



Số: 04208/KQPT/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: 04540626

Trang: 1/2

- Tên mẫu: Nước thải sau xử lý
- Số lượng: 05L
- Mô tả mẫu: Mẫu do phòng phân tích thử nghiệm lấy tại hồ ga chứa nước thải tập trung trước khi xả ra nguồn tiếp nhận (X: 1144061; Y: 0563455). Cụm công nghiệp Trung An. Địa chỉ: Phường Trung An, Tỉnh Đồng Tháp.
- Thời gian lưu mẫu: ☐ Không - ☒ Lưu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
- Ngày nhận mẫu: 11/06/2026
- Ngày trả kết quả: 01/07/2026
- Thời gian thử nghiệm: 11/06/2026 đến ngày: 01/07/2026
- Khách hàng: **TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG**
- Địa chỉ: 84 Ngô Gia Tự - Phường Trung An - Tỉnh Đồng Tháp
- Kết quả thử nghiệm: **Xem trang sau.**

- Thông tin về mẫu thử được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phiếu kết quả thử nghiệm này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Không được sao chép Phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ.

Đồng Tháp, ngày 01 tháng 07 năm 2026

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Văn Thoại

Số: 04540626

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Đơn vị tính	Kết quả
1	pH ^e	TCVN 6492:2011	-	7,81 (31,3°C)
2	BOD ₅ ^e	SMEWW 5210B:2023	mg/L	6,31
3	COD ^e	SMEWW 5220C:2023	mg/L	13,5
4	TSS ^e	TCVN 6625:2000	mg/L	29,8
5	Tổng Nito ^e	TCVN 6638:2000	mg/L	18,8
6	Tổng Photpho (tính theo P) ^e	TCVN 6202:2008	mg/L	1,26
7	Dầu mỡ khoáng ^e	SMEWW 5520B&F:2023	mg/L	KPH (MDL=1,2)
8	Coliforms ^e	SMEWW 9221B:2023	MPN/100mL	KPH (MDL=1,8)
9	Tổng dầu mỡ ^e	SMEWW 5520B:2023	mg/L	KPH (MDL=1,2)

Ghi chú:

- (*): Giới hạn định lượng của phương pháp thử
 - MDL/LOD: Giới hạn phát hiện
 - KPH: Không phát hiện
- (a): Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025
 - (e): Chỉ tiêu được công nhận Vimcerts.
 - (β): Chỉ tiêu nhà thầu phụ thực hiện

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Văn Hiệp